TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: **12-5-2023**
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Trung Hiến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

2. Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh-** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông **Tô Minh Phú** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 08/12/2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐST- DS ngày 18/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-DS ngày 17/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP T**.

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch Diễm**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Tấn Đạt. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Cần Thơ.

Địa chỉ: Số 95-97-99 Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Lê Duy Phương. Chức vụ: Chuyên viên. Giấy ủy quyền ngày 11/4/2023. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Anh T**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: KDC Công ty 8, Khu vực 2, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 22/07/2020, ông Trần Anh T có ký với Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Cần Thơ (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 113.380.913 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.284.005 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/06/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 17/03/2023, ông T còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 116.022.825 đồng; Lãi quá hạn: 92.029.047 đồng. Tổng cộng: 208.051.872 đồng (Bằng chữ: Hai trăm lẻ tám triệu không trăm năm mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi hai đồng).

Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 17/3/2023 là 208.051.872 đồng. Trong đó nợ gốc là 116.022.825 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.029.047 đồng. Ngoài ra ông T còn phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Anh T luôn vắng mặt.

Vụ án được hòa giải không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 12/5/2023 là 215.848.584 đồng. Trong đó nợ gốc là 116.022.825 đồng, nợ lãi quá hạn là 99.825.759 đồng. Ngoài ra ông T còn phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đến khi trả hết nợ. Bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến***:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:** Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sư, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tuân thủ đúng qui định, bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ

lý do, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn theo điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- **Về việc giải quyết vụ án**: Do bị đơn Trần Anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ còn thiếu là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:* Do nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T và bị đơn là ông Trần Anh T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông Trần T Anh trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ tính đến ngày 12/5/2023 là 215.848.584 đồng. Trong đó nợ gốc là 116.022.825 đồng, nợ lãi quá hạn là 99.825.759 đồng. Ngoài ra ông T còn phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đến khi trả hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1532027 ngày 28/7/2020 thì thấy rằng Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Cần Thơ và bị đơn Trần Anh T tự nguyện giao dịch ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 113.380.913 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.284.005 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/06/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bị đơn để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn cố tình trốn tránh việc thực hiện trả nợ cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Về mức lãi suất trong hạn, quá hạn, các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cụ thể là được điều chỉnh theo bản mô tả nội dung Ban hành kèm theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng TMCP T về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam, mức lãi suất thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết bị đơn cũng đã được tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt điều này cho thấy bị đơn không có thiện trí trả nợ, kéo dài thời gian thu hồi nợ của nguyên đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi lại số nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

Do nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa thống nhất với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Trần Anh T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T tính đến ngày 12/5/2023 là 215.848.584 đồng. Trong đó nợ gốc là 116.022.825 đồng, nợ lãi quá hạn là 99.825.759 đồng.

Bị đơn còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/5/2023 đến khi trả xong nợ đối với số tiền còn nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu **10.792.429 đồng (Mười triệu, bảy trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm hai mươi chín đồng)** tiền án phí.

Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp **3.488.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn đồng)** theo biên lai số 0008784 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Bùi Trung Hiến